

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2355/UBND

Hóc Môn, ngày 30 tháng 5 năm 2022

**KẾ HOẠCH
Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp
năm học 2022 - 2023**

Căn cứ Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022 - 2023;

Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022 - 2023 cụ thể như sau:

A. YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC TUYỂN SINH

1. Đảm bảo đủ chỗ học cho con em nhân dân huyện Hóc Môn, đặc biệt là con em gia đình chính sách, gia đình nghèo, công nhân, mồ côi cha mẹ, mồ côi cha hoặc mẹ do đại dịch COVID-19; thực hiện tốt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học bắt buộc đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục bậc trung học. Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; khuyến khích học sinh thi tuyển vào lớp 10 chọn nguyện vọng phù hợp với khả năng của bản thân, gần nơi cư trú để thuận lợi cho việc tiếp tục đi học khi trúng tuyển và giảm áp lực giao thông theo chủ trương của Thành phố.

2. Đảm bảo 100% học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3 và khuyến khích học sinh lớp 6, lớp 7, lớp 10 được học 2 buổi/ngày để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; đồng thời xây dựng kế hoạch những năm tiếp theo cho các lớp còn lại cũng được học 2 buổi/ngày.

Khuyến khích tiếp tục phát triển các trường thực hiện chương trình chất lượng cao “trường tiên tiến, hội nhập quốc tế” tại huyện. Khuyến khích các trường tổ chức dạy tăng cường tiếng Anh, dạy môn toán và các môn khoa học tự nhiên bằng ngoại ngữ nhằm thực hiện chủ trương chủ động hội nhập và thực hiện chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Thành phố. Khuyến khích tổ chức dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam tại các trường trên địa bàn huyện. Chú trọng triển khai Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030”.

3. Thực hiện đúng quy chế ở mỗi bậc học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo nghiêm túc, an toàn, công bằng, chính xác, đánh giá đúng trình độ người học, phản ánh đúng chất lượng dạy và học.

4. Đảm bảo thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn an toàn phòng chống dịch bệnh của các cấp khi tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh.

5. Tạo điều kiện thuận lợi khi nộp hồ sơ nhập học; 100% đơn vị có xây dựng phương án tuyển sinh trực tuyến. Nghiêm cấm các trường vận động, quỳn góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

B. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

1. Huy động trẻ đến trường mầm non

Dân số độ tuổi sinh năm 2017 (5 tuổi): **6.672 trẻ** (số học sinh vào Mẫu giáo 5 tuổi năm học 2021 - 2022: 5.286 trẻ) (*chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể các lớp từ nhóm trẻ, lớp mầm, chồi và lá theo phụ lục 1 đính kèm*).

2. Tuyển sinh vào lớp 1

Tổng số trẻ sinh năm 2016 (6 tuổi): **8.970 trẻ** (số học sinh vào lớp 1 năm học 2021 - 2022: 9.316 trẻ) (*chỉ tiêu cụ thể theo phụ lục 2, bảng phân tuyến học sinh vào các trường tiểu học theo phụ lục 4 đính kèm*).

3. Tuyển sinh vào lớp 6

Số học sinh hoàn thành chương trình bậc tiểu học vào học lớp 6: **8.836 học sinh** (số học sinh lớp 6 năm học 2021 - 2022: **7.286 học sinh**) (*chỉ tiêu cụ thể theo phụ lục 5, bảng phân tuyến học sinh vào các trường THCS theo phụ lục 9 đính kèm*).

C. PHƯƠNG THỨC HUY ĐỘNG TRẺ RA LỚP VÀ TUYỂN SINH

I. HUY ĐỘNG TRẺ RA LỚP MẦM NON 5 TUỔI VÀ CÁC LỚP KHÁC

1. Yêu cầu và nguyên tắc

Huy động 100% trẻ 5 tuổi (sinh năm 2017) trong diện đi học đang cư trú trên địa bàn huyện Hóc Môn vào các trường mẫu giáo, mầm non theo tuyến do Ban Chỉ đạo Công tác tuyển sinh của huyện quy định, có kế hoạch đảm bảo chỗ học cho học sinh nhà trẻ và mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi. Tăng dần tỉ lệ huy động trẻ đến trường.

Các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập nhận trẻ năm tuổi phải đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị và giáo viên; phải thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo quy định.

Tổ chức nhận trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi theo đúng lộ trình quy định.

Các trường mẫu giáo, mầm non (công lập, tư thục), nhóm lớp ngoài công lập công bố cụ thể chỉ tiêu tuyển sinh của từng nhóm, lớp (*phụ lục 1*).

Căn cứ nhu cầu của cha mẹ học sinh và điều kiện của đơn vị, các cơ sở giáo dục mầm non có thể cho trẻ làm quen với trường lớp trong thời gian nghỉ hè.

2. Thời gian phát, nhận hồ sơ, công bố kết quả

- Từ ngày 01/7 đến ngày 17/7/2022: các trường phát và nhận hồ sơ nhập học.
- Ngày 20/7/2022: các trường công bố kết quả đồng loạt.

Đảm bảo việc thực hiện bộ hồ sơ nhập học và phiếu khảo sát đầu vào cho trẻ.

3. Thành phần hồ sơ

- Đơn xin nhập học, giấy chứng nhận sức khỏe, bảng điều tra tâm lý trẻ (theo mẫu của trường);
- Bản sao giấy khai sinh (sao y bản chính);
- Bản sao hộ khẩu (hoặc tạm trú có sổ) hoặc giấy xác nhận thông tin cư trú do Công an địa phương ký.

4. Tiếp tục tuyển sinh tại Trường mầm non Bông Sen - Trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế

a) Chỉ tiêu tuyển sinh: 03 lớp 90 học sinh (mỗi lớp không quá 30 học sinh. Trong đó tuyển mới 90/90 trẻ gồm 30 trẻ 3-4 tuổi, 30 trẻ 4-5 tuổi, 30 trẻ 5-6 tuổi. Số trẻ năm học 2021 - 2022 chuyển lên là 560 trẻ).

b) Điều kiện: Việc tuyển sinh trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế dựa trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện.

d) Thời gian tuyển sinh

- Từ ngày 01/7 đến ngày 19/7/2022: trường nhận hồ sơ đăng ký nhập học.

- Ngày 20/7/2022: trường công bố kết quả tuyển sinh.

II. TUYỂN SINH VÀO LỚP 1

1. Yêu cầu và nguyên tắc

Huy động 100% trẻ sáu tuổi trong diện đi học (sinh năm 2016) đang cư trú trên địa bàn huyện Hóc Môn vào học lớp 1 theo tuyển do Ban Chỉ đạo Công tác tuyển sinh của huyện quy định (phụ lục 2).

Không nhận học sinh học sớm tuổi và không nhận học sinh trái tuyến ngoài huyện nếu chưa nhận đủ số lượng học sinh đúng tuyến theo chỉ tiêu phân bổ của Ủy ban nhân dân huyện. Trường hợp nhận học sinh trái tuyến ngoài địa bàn sẽ do Ban chỉ đạo tuyển sinh của huyện xét duyệt.

Đối với những trường hợp lưu trú giao Phòng Giáo dục và Đào tạo căn cứ chỉ tiêu phân bổ, điều chuyển phù hợp, đảm bảo đủ chỗ học cho trẻ.

Phấn đấu 100% học sinh lớp 1 được học 02 buổi/ngày để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Ưu tiên đảm bảo đủ chỗ học và sĩ số học sinh/lớp trước khi thực hiện lớp 02 buổi/ngày.

Đẩy mạnh tổ chức học tiếng Anh ngay từ lớp 1 theo Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2019-2025. Tổ chức làm quen tiếng Anh cho học sinh lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố.

Các trường không được khảo sát trẻ để xếp lớp.

2. Số liệu tuyển sinh: chỉ tiêu cụ thể và phân tuyến tuyển sinh theo địa bàn cư trú (*phụ lục 4*).

3. Thời gian tuyển sinh (phát, nhận hồ sơ, công bố kết quả)

- **Từ ngày 13/6 đến ngày 30/6/2022:** UBND các xã - thị trấn, các trường tiểu học và giáo viên chuyên trách phổ cập lập danh sách theo phân tuyến, Hiệu trưởng các trường tiểu học trên địa bàn căn cứ theo danh sách này phát giấy Gọi nhập học (theo mẫu thống nhất).

- **Từ ngày 01/7 đến ngày 29/7/2022:** các trường nhận hồ sơ nhập học.

- **Ngày 01/8/2022:** công bố kết quả, kết thúc tuyển sinh.

Thành phần hồ sơ gồm:

- + Đơn xin nhập học (theo mẫu của trường), bản chính giấy gọi nhập học;
- + Bản sao giấy khai sinh (sao y bản chính), bản sao hộ khẩu (hoặc tạm trú có sổ) hoặc giấy xác nhận thông tin cư trú do Công an địa phương ký.

4. Đối với lớp 1 tăng cường tiếng Anh

Tổ chức tăng cường tiếng Anh cho học sinh lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố¹.

Việc tuyển sinh tăng cường tiếng Anh dựa trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện. Điều kiện về trình độ: học sinh tham gia chương trình tiếng Anh tăng cường lớp 1 không khảo sát đầu vào (*phụ lục 3a*).

5. Đối với Lớp 1 theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam”

Tiếp tục thực hiện tại 02 trường tiểu học (Nguyễn An Ninh và Nguyễn Thị Nuôi)² theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 4409/GDDT-TrH ngày 16/12/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thực hiện Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam”. Tổ chức dạy Chương trình Tiếng Anh tích hợp cho học sinh lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố.

Việc tuyển sinh dựa trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện. Điều kiện về trình độ: học sinh tham gia chương trình tích hợp lớp 1 không khảo sát đầu vào. Học sinh theo học chương trình tích hợp được sắp xếp vào cùng lớp học, sĩ số lớp không quá 35 học sinh/lớp (*phụ lục 3b*).

¹ Theo Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2019 - 2025.

² Từ năm học 2015-2016: đã thực hiện tại 02 trường tiểu học Nguyễn An Ninh và Nguyễn Thị Nuôi.

III. TUYỂN SINH VÀO LỚP 6

1. Yêu cầu và nguyên tắc

Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học tại các trường trên địa bàn huyện được xét tuyển vào học lớp 6 theo địa bàn cư trú do Ban Chỉ đạo Công tác tuyển sinh huyện quy định. Ưu tiên cho học sinh thường trú trên địa bàn.

Điều kiện dự tuyển sinh theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Phân bổ hợp lý học sinh khuyết tật học hòa nhập.

2. Số liệu tuyển sinh: chỉ tiêu cụ thể và phân tuyến tuyển sinh theo địa bàn cư trú (*phụ lục 5, phụ lục 9*).

3. Thời gian tuyển sinh

- **Từ ngày 13/6 đến ngày 30/6/2022:** các trường tiểu học sắp xếp hồ sơ học sinh lớp 5 căn cứ vào bảng phân tuyến tuyển sinh theo địa bàn cư trú.

- **Từ ngày 04/7 đến ngày 08/7/2022:** Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức 01 buổi bàn giao hồ sơ học sinh đồng loạt giữa các trường tiểu học và THCS.

- **Từ ngày 11/7 đến ngày 15/7/2022:** Hội đồng Tuyển sinh các trường THCS xét duyệt hồ sơ.

- **Ngày 25/7/2022:** các trường THCS đồng loạt công bố kết quả tuyển sinh.

- Thành phần hồ sơ nhập học gồm:

- + Đơn xin nhập học (theo mẫu của trường), bản chính học bạ cấp tiểu học;
- + Bản sao giấy khai sinh (sao y bản chính), bản sao hộ khẩu (hoặc tạm trú có sổ) hoặc giấy xác nhận thông tin cư trú do Công an địa phương ký.

4. Tuyển sinh vào lớp 6 trường Trung học cơ sở Nguyễn An Khương - Trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế.

Việc tuyển sinh trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế dựa trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện.

a) Chỉ tiêu tuyển sinh: 8 lớp, 280 học sinh (mỗi lớp không quá 35 học sinh).

b) Điều kiện: Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học có điểm kiểm tra học kỳ II môn Toán và Tiếng Việt từ 9 điểm trở lên, có chứng chỉ Cambridge Flyer 10/15 khiên trở lên hoặc chứng chỉ TOEFL Primary bậc 2 có từ 3/5 huy hiệu trở lên ở mỗi kỹ năng được xét tuyển vào học lớp 6 trường Trung học cơ sở Nguyễn An Khương theo đề án trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế (xét từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu). Riêng học sinh đạt giải cấp Quốc gia và Quốc tế về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao... do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc đồng tổ chức; giải quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Sở Giáo dục và đào tạo cử đi thi sẽ được xét tuyển thẳng vào trường.

c) Thời gian tuyển sinh

- **Từ ngày 20 tháng 6 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022:** học sinh nộp đơn và đăng ký trực tuyến trên phần mềm tuyển sinh lớp 6 trường Trung học cơ sở Nguyễn An Khương theo đề án trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế tại trường tiểu học nơi đang theo học.

- **Ngày 01 tháng 7 năm 2022:** các trường tiểu học chuyển hồ sơ dự tuyển gồm phiếu đăng ký, bản chính học bạ đến trường Trung học cơ sở Nguyễn An Khương.

- **Ngày 02 tháng 7 đến ngày 05 tháng 7 năm 2022:** Hội đồng tuyển sinh trường Trung học cơ sở Nguyễn An Khương xét tuyển, lập danh sách gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định và duyệt kết quả.

- **Ngày 11 tháng 7 năm 2022:** công bố danh sách tại trường Trung học cơ sở Nguyễn An Khương.

5. Tuyển sinh lớp 6 theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam”

Tiếp tục mở rộng thực hiện tại trường Trung học cơ sở Nguyễn An Khương và Trung học cơ sở Trung Mỹ Tây 1 theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 838-QĐ-GDĐT-VP ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo về phê duyệt danh sách các trường tiểu học, trung học cơ sở triển khai Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” từ năm học 2016-2017 (*phụ lục 6b*).

a) Chỉ tiêu tuyển sinh: mỗi trường 02 lớp (mỗi lớp không quá 35 học sinh)

Việc tuyển sinh dựa trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện.

b) Điều kiện: học sinh tham gia chương trình tích hợp thỏa một trong các yêu cầu về tiếng Anh sau đây:

- Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học theo Chương trình Tiếng Anh tích hợp.

- Hoặc học sinh hoàn thành chương trình tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có đủ năng lực tiếng Anh thỏa một trong các điều kiện sau đây:

+ Theo hệ thống Pearson English: học sinh phải có chứng chỉ PTE Young Learner cấp độ Quickmarch (Pass - số sao tối thiểu 3/5 sao).

+ Theo hệ thống Cambridge English: học sinh phải có chứng chỉ Flyer (số khiên tối thiểu 12/15 khiên).

+ Theo hệ thống ETS: học sinh phải có chứng chỉ TOEFL Primary bậc 2 với số huy hiệu tối thiểu là 3/5 huy hiệu (TOEFL Primary, Step 2, 3 badges).

+ Học sinh phải được đánh giá đạt bài khảo sát năng lực tiếng Anh đầu vào của chương trình (Placement test).

Lưu ý: Nếu số lượng học sinh đăng ký hơn chỉ tiêu của mỗi trường, thực hiện xét từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu (ưu tiên học sinh hoàn thành chương trình tiểu học theo Chương trình Tiếng Anh tích hợp); học sinh đã đăng ký xét tuyển lớp tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế thì không được đăng ký xét tuyển lớp “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam”.

c) Thời gian tuyển sinh

- **Từ ngày 20 tháng 6 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022:** học sinh trực tiếp đăng ký vào học lớp 6 theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” tại trường Trung học cơ sở Nguyễn An Khương và Trung học cơ sở Trung Mỹ Tây 1.

Hồ sơ dự tuyển theo phiếu đăng ký gồm: phiếu đăng ký, bản chính học bạ, các chứng chỉ tiếng Anh nêu trên (nếu có).

- **Ngày 11/7/2022:** công bố danh sách tại trường Trung học cơ sở Nguyễn An Khương và Trung học cơ sở Trung Mỹ Tây 1.

6. Tuyển sinh vào các lớp 6 tăng cường tiếng Anh

Tiếp tục tuyển sinh tiếng Anh tăng cường tại 04 trường Trung học cơ sở (Nguyễn Hồng Đào, Tô Ký, Tân Xuân và Trung Mỹ Tây 1).

- Việc tuyển sinh dựa trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện.

- Đối tượng: những học sinh thuộc lộ trình A đã được công nhận đạt yêu cầu cấp tiểu học của chương trình và có điểm toàn năm từng kỳ năng từ 06 điểm trở lên hoặc học sinh không theo lộ trình A nhưng có chứng chỉ TOEFL Primary bậc 2, Flyer có nhu cầu theo học.

- Căn cứ chỉ tiêu được giao và tổng điểm các kỹ năng, tiến hành xét tuyển từ điểm cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu (*phụ lục 6a*).

IV. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10

Căn cứ Kế hoạch số 1202/KH-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2022 - 2023.

V. TUYỂN SINH VÀO TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở có thể đăng ký xét tuyển vào học lớp 10 hệ giáo dục thường xuyên tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện (*phụ lục 8*).

Căn cứ xét tuyển: điểm tốt nghiệp trung học cơ sở, điểm tổng kết các môn học 4 năm trung học cơ sở, điểm tổng kết các môn học năm cuối cấp trung học

cơ sở. Nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

VI. TUYỂN SINH VÀO TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP - HỆ SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ

Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở có thể đăng ký xét tuyển vào học trường Trung cấp Bách Nghệ TP. Hồ Chí Minh trên địa bàn huyện Hóc Môn hoặc các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề khác theo các đợt tuyển sinh trong năm do trường quy định (*phụ lục 7*).

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thành lập Ban Chỉ đạo công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp của huyện để chỉ đạo và kiểm tra công tác tuyển sinh của các xã - thị trấn và các trường trên địa bàn huyện.

Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thực hiện các văn bản về công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp và tổ chức thi tuyển vào lớp 10 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Triển khai thực hiện kế hoạch và phổ biến đến Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường Trung cấp Bách Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên để có kế hoạch thực hiện.

Chỉ đạo việc thành lập Hội đồng tuyển sinh ở các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở để thực hiện công tác tuyển sinh đầu cấp.

Hướng dẫn các trường tổ chức xét duyệt kết quả huy động trẻ đến trường và tuyển sinh các lớp đầu cấp.

Chỉ đạo các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thực hiện các nội dung sau:

- Trước ngày 01/6/2022, các trường trung học cơ sở đề xuất với Phòng Giáo dục và Đào tạo danh sách Hội đồng Tuyển sinh của trường³.
- Xây dựng kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh của trường.
- Giới thiệu, tạo điều kiện để phụ huynh học sinh và học sinh tìm hiểu về nhà trường.
- Tổ chức xét duyệt danh sách huy động trẻ và tuyển sinh các lớp đầu cấp theo hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo.
- Kiểm tra và cập nhật đầy đủ danh sách học sinh đầu cấp và cuối cấp trên hệ thống thông tin quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

³ Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Tuyển sinh thực hiện theo đúng Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông.

2. Giao Công an huyện

Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện đúng các nội dung đăng ký, quản lý cư trú tại địa bàn các xã - thị trấn. Chỉ đạo lực lượng công an các xã - thị trấn thực hiện nghiêm việc ký nhận đăng ký lưu trú, không để xảy ra trường hợp xác nhận lưu trú không đúng thực tế.

Xử lý nghiêm cán bộ thực hiện xác nhận lưu trú không đúng quy định.

3. Giao Đài Truyền thanh - Bản tin Hóc Môn

Phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022 - 2023 trên hệ thống đài phát thanh huyện, xã - thị trấn; tập trung thông tin về việc phân tuyến tuyển sinh mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2022 - 2023, ngày tiếp nhận hồ sơ, ngày đưa trẻ đến trường, lớp để phụ huynh biết, đồng thuận và thực hiện đúng thời gian quy định.

4. Giao Ủy ban nhân dân xã - thị trấn

Thành lập Ban Chỉ đạo tuyển sinh của xã - thị trấn để thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng kế hoạch. Điều tra, nắm chính xác số trẻ sinh năm 2016 và 2017; xác nhận chính xác tình trạng, địa bàn cư trú để phục vụ tốt cho công tác huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp. Đồng thời Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn (phụ trách Văn hoá - xã hội) cam kết và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện nếu phát sinh tình trạng vượt số trẻ sinh năm 2016 và 2017 đã xác nhận.

Xây dựng kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022 - 2023 trên địa bàn.

Chỉ đạo công an địa phương thực hiện nghiêm việc ký nhận đăng ký lưu trú, không để xảy ra trường hợp xác nhận lưu trú không đúng thực tế.

Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022 - 2023 trên hệ thống phát thanh xã - thị trấn; thực hiện niêm yết Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và bảng phân tuyến học sinh vào các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tại trụ sở Ban Nhân dân ấp - Khu phố trong suốt thời gian tuyển sinh để phụ huynh tại địa phương biết và đồng thuận.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các ban ngành, đoàn thể huyện

Tổ chức thông tin, tuyên truyền đến cán bộ, hội viên và Nhân dân trên địa bàn huyện về thực trạng trường lớp trên địa bàn huyện, kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022 - 2023 nhằm tạo đồng thuận trong các tầng lớp Nhân dân.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022 - 2023 đảm bảo đúng quy định.

Trên đây là Kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022 - 2023, đề nghị các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./. *z*

Nơi nhận: *z*

- UBND.TP;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- TT. Huyện ủy;
- TT.HĐND huyện;
- TT.UBND huyện: CT, các PCT;
- Các Ban Huyện ủy, UBKTHU, VPHU;
- Các đơn vị được phân công;
- Đảng ủy các xã - thị trấn (để phối hợp);
- VP.HĐND-UBND huyện: CVP, PVP/VX;
- Lưu: VT, Linh, Lan Hương *z*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

z

Lê Thụy Mỹ Châu



STT	Xã - thị trấn	Tên trường MG, MN	Tổng số lớp học	Nhà trẻ		Trong đó: Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi			Lớp Mầm		Lớp Chồi		Lớp Lá		Bình quân số HS/lớp/lá	Tổng số HS NH 22-23	TS HS khối lá các trường trong xã	TS HS 5 tuổi theo thống kê	
				Số nhóm	Số trẻ	Số nhóm	số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)			
1	Thị Trấn	MN Bé Ngoan	16	5	120	1	20	4	100	4	120	3	105	35	445	410	297		
		MN 23/11	14	3	75	0	0	3	75	4	120	4	140	35	410				
		MN Bé Ngoan 1	13	3	70	0	0	3	75	3	100	4	140	35	385				
		02 nhóm, lớp ĐLTT (01 NT, 01 LMG)	7	4	70	1	20	1	20	1	20	1	25	1	25				
2	Đông Thạnh	MN Sơn Ca	18	2	50	0	0	4	100	5	150	7	245	35	545	708	708		
		MNTT Hòa Bình	4	1	25	0	0	1	25	1	30	1	35	35	115				
		MNTT Bò Câu Trắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	#DIV/0!				
3	Nhị Bình	42 nhóm, lớp ĐLTT (02 NT, 40 LMG)	73	0	0	0	0	29	572	27	568	17	428	25	1,568	170	167		
		MN Sơn Ca 3	12	2	50	0	0	3	75	3	90	4	120	30	335				
4	Tân Hiệp	05 nhóm, lớp ĐLTT (05 LMG)	12	1	10	0	0	4	60	5	115	2	50	25	235	330	325		
		MN Tân Hiệp	11	2	50	0	0	2	60	3	105	4	120	30	335				
		MN Tân Hòa	15	3	70	0	0	3	90	4	120	5	150	30	430				
5	Tân Thới Nhì	09 Nhóm, lớp ĐLTT (03 NT, 06 LMG)	14	5	105	0	0	3	116	4	120	2	60	30	401	280	236		
		MN Hướng Dương	19	5	100	1	15	4	100	4	120	6	180	30	500				
		07 Nhóm, lớp ĐLTT (02 NT, 05 LMG)	17	2	40	1	20	5	75	6	120	4	100	25	335				
6	Tân Xuân	MN Tân Xuân	17	3	90	1	20	4	120	5	150	5	150	30	510	410	319		
		MN Mỹ Hòa	13	3	75	0	0	3	100	4	120	3	100	33	395				
		MNTT Minh Đức	8	2	40			2	55	2	60	2	60	30	215				
		10 Nhóm, lớp ĐLTT (01 NT, 09 LMG)	24	1	30	0	0	9	190	10	220	4	100	25	540				

STT	Xã - thị trấn	Tên trường MG, MN	Tổng số lớp học	Nhà trẻ		Trong đó: Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Lớp Mầm		Lớp Chồi		Lớp Lá		Bình quân số HS/lớp/lá	Tổng số HS NH 22-23	TS HS khối lá các trường trong xã	TS HS 5 tuổi theo thống kê
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)		(15)	(16)	(17)
7	Thới Tam Thôn	MN Bông Sen	18	3	90			4	120	5	175	6	210	35	595	990	986
		MN 2/9	20	3	70	0	0	5	130	6	210	6	230	38	640		
		35 Nhóm, lớp DLTT (01 NT, 34 LMG)	76	0	0	0	0	29	560	30	595	17	550	32	1,705		
8	Bà Điểm	MN Bà Điểm	13	2	70			3	100	4	140	4	150	38	460	970	964
		MINTT Khai Trí	9	3	60	0	0	2	70	2	70	2	70	35	270		
		35 Nhóm, lớp DLTT (03 NT, 32 LMG)	97	5	120	0	0	36	647	33	642	23	750	33	2,159		
9	Trung Chánh	MG Bông Sen 1	9					3	70	3	85	3	105	35	260	735	774
		MINTT Sao Mai	18	2	60	0	0	4	120	5	150	7	280	40	610		
		MINTT Toàn Mỹ	6					2	70	2	50	2	70	35	190		
		09 Nhóm, lớp DLTT (01 NT, 08 LMG)	22	1	15	1	15	6	104	7	146	8	280	35	545		
10	Xuân Thới Đông	MN Xuân Thới Đông	19	5	120	1	10	4	100	5	150	5	170	34	540	465	251
		MINTT Rạng Đông	18	2	60	0	0	6	180	5	150	5	170	34	560		
		15 Nhóm, lớp DLTT (04 NT, 11 LMG)	29	6	150	0	0	9	225	9	250	5	125	25	750		
11	Xuân Thới Sơn	MN Nhị Xuân	12	2	50	0	0	3	75	3	100	4	140	35	365	440	390
		MN 19/8	20	4	82	1	14	5	125	5	150	6	210	35	567		
		15 Nhóm, lớp DLTT (05 NT, 10 LMG)	27	3	60	0	0	12	273	9	217	3	90	30	640		
12	Xuân Thới Thượng	MN Bé Ngan 3	19	5	140	1	15	4	120	5	150	5	175	35	585	764	764
		MN Xuân Thới Thượng	15	3	60	0	0	4	100	4	120	4	140	35	420		
		MINTT Thiên Đức	13	2	50			3	90	4	120	4	140	35	400		
		27 Nhóm, lớp DLTT (02 NT, 25 LMG)	50	3	51	2	31	18	362	20	412	9	309	34	1,134		

STT	Xã - thị trấn	Tên trường MG, MN	Tổng số lớp học	Nhà trẻ		Trong đó: Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Lớp Mầm		Lớp Chồi		Lớp Lá		Bình quân số HS/lớp/ lá	Tổng số HS NH 22-23	TS HS khối lá các trường trong xã	TS HS 5 tuổi theo thống kê
				Số nhóm	Số trẻ	số nhóm	số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
TOÀN HUYỆN																	
		27 trường	817	101	2,378	11	180	249	5,649	261	6,535	206	6,672	32	21,234	6,672	6,181
		MNCL (19)	293	58	1,432	6	94	68	1,835	79	2,475	88	2,980	34	8,722		
		MNTT (7)	76	12	295	0	0	20	610	21	630	23	825	36	2,360		
		25 NT, 186 LMGB DL	448	31	651	5	86	161	3,204	161	3,430	95	2,867	30	10,152		
			817	101	2,378	11	180	249	5,649	261	6,535	206	6,672	32	21,234		



TIÊU HỌC

Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng xã - thị trấn, trường tiểu học - Năm học 2022-2023

Tên trường TiH	Tên xã - thị trấn	Tổng số phòng học của trường	Số HS Lớp 5 (Năm học 2021-2022)	Số liệu tuyển sinh năm học 2022-2023										Số liệu tuyển sinh so với năm học 2021-2022			
				Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận								
				Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng	Tổng số HS/ lớp	Số lớp học 1 buổi	Số lớp học 2 buổi/ ngày	Số Lớp Bán trú	Số Lớp học Tăng cường T. Anh	Số Lớp học Tiếng Anh tích hợp	Sĩ số HS/ Lớp	Số Lớp	Số HS	Tăng (+)/ Giảm (-)	
Nguyễn An Ninh	TT	50	458	314	0	314	7	314	0	7	7	5	2	45	10	401	-87
Bùi Văn Ngự	BĐ	59	430	477	34	511	11	511	0	11	11	11	0	46	12	600	-89
Tây Bắc Lân	BĐ	64	784	486	92	578	12	578	0	12	12	8	0	48	15	677	-99
Hoàng Hoa Thám	ĐT	59	800	149	185	334	8	334	0	8	8	0	0	42	13	520	-136
Thới Thạnh	ĐT	30	224	278	217	495	12	495	0	12	12	12	0	41	10	446	49
Trần Văn Danh	ĐT	49	299	167	130	297	7	297	0	7	5	0	0	42	8	344	-47
Vô Văn Thặng	NB	46	232	145	212	357	8	357	0	8	8	8	0	45	8	370	-13
Cầu Xáng	TH	19	147	101	57	158	4	158	0	4	4	4	0	40	4	136	22
Tân Hiệp	TH	45	134	135	30	165	4	165	0	4	4	5	0	41	5	158	7
Trương Văn Ngai	TH	36	311	167	83	250	6	250	0	6	6	6	0	42	7	284	-34
Lý Chính Thắng 2	TTN	36	318	175	0	175	5	175	0	5	5	7	0	35	6	272	-97
Nhị Tân	TTT	45	91	149	144	293	7	293	0	7	7	6	0	42	6	227	66
Áp Đình	TX	45	231	319	205	524	12	524	0	12	12	13	0	44	10	400	124
Mỹ Hòa	TX	35	240	101	206	307	7	307	0	7	7	7	0	44	8	372	-65
Tam Đông	TTT	35	311	150	110	260	6	245	0	6	5	6	0	43	6	287	-27
Tam Đông 2	TTT	51	418	197	301	498	11	393	0	11	10	0	0	45	10	450	48
Thới Tam	TTT	36	389	227	53	280	6	265	0	6	6	6	0	47	7	304	-24
Nguyễn Thị Nuôi	TTT	35	351	217	123	340	8	310	0	8	8	6	2	43	8	323	17
Mỹ Huệ	TC	25	253	255	11	266	6	266	0	6	4	5	0	44	5	207	59
Nam Kỳ Khởi Nghĩa	TC	18	208	166	31	197	4	197	0	4	3	0	0	49	3	150	47
Tân Xuân	XTĐ	36	347	220	86	306	7	303	0	7	6	3	0	44	8	323	-17
Trần Văn Mười	XTĐ	49	443	178	309	487	11	424	0	11	10	0	0	44	10	440	47

Số liệu tuyển sinh năm học 2022-2023														Số liệu tuyển sinh so với năm học 2021-2022			
Tên trường THPT	Tên xã - thị trấn	Tổng số phòng học của trường	Số HS Lớp 5 (Năm học 2021-2022)	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận	Chỉ tiêu nhận							Số HS	Tăng (+)/ Giảm (-)	
				Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng		Tổng số lớp	số HS/ lớp	Số lớp học 1 buổi	Số lớp học 2 buổi/ ngày	Số Lớp Bán trú	Số Lớp học Tăng cường T. Anh	Số Lớp học Tiếng Anh tích hợp			Sĩ số HS/ Lớp
Dương Công Khi	XTS	51	560	455	0	455	10	455	0	10	6	0	0	46	9	345	110
Nhị Xuân	XTS	40	200	57	289	346	8	336	0	8	8	0	0	43	9	328	18
Ngã Ba Giồng	XTT	45	259	230	80	310	7	298	0	7	7	6	0	44	10	412	-102
Xuân Thới Thượng	XTT	44	555	222	245	467	10	441	0	10	7	0	0	47	12	540	-73
Tổng cộng		1083	8993	5737	3233	8970	204	8691	0	204	188	124	4	44	219	9316	-346

PHỤ LỤC 4

Bảng phân tuyến học sinh vào các trường tiểu học năm học 2022-2023
(Đính kèm Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 30/5/2022 của UBND huyện)

STT	Xã, thị trấn	Trường tiểu học	Khả năng nhận		Nhận học sinh thuộc các địa bàn	Dự kiến số HS			Số HS/Lớp	Lý giải các ô trống và tô màu đen
			Số lớp 1	Số lớp 2		Thường trú và TT có sổ	Lưu trú	Tổng số HS		
1	Xuân Thới Thượng	Xuân Thới Thượng	0	10	xã Xuân Thới Thượng:			467	47	
					Áp 2	65	102			
					Áp 3	88	143			
2	Xuân Thới Thượng	Ngã Ba Giồng	0	7	xã Xuân Thới Thượng:			310	44	
					Áp 1	67				
					Áp 4	82	80			
3	Xuân Thới Sơn	Nhị Xuân	0	8	xã Xuân Thới Sơn:			346	43	
					Áp 4		49			
					Áp 5	45	57			
4	Xuân Thới Sơn	Dương Công Khi	0	10	xã Xuân Thới Thượng:			455	46	
					Áp 1		72			
					Áp 5		48			
5	Xuân Thới Đông	Trần Văn Mười		11	Áp 6	12	6			
					xã Xuân Thới Sơn:					
					Áp 1	51				
					Áp 2	84				
					Áp 3	127				
					Áp 4	107				
					Áp 6	86				
					xã Xuân Thới Đông:					
					Áp Xuân Thới Đông 1	85	54			
					Áp Xuân Thới Đông 2	52	30			
					Áp Xuân Thới Đông 3	41	81			
					xã Bà Điểm:					
					Áp Tiền Lân		20			
					Áp Tiền Lân 1		48			
					xã Xuân Thới Thượng					
					Áp 7		76			

STT	Xã, thị trấn	Trường tiểu học	Khu vực mang nhận		Nhận học sinh thuộc các địa bàn	Dự kiến số HS		Tổng số HS	Số HS/Lớp	Lý giải các ô trống và tô màu đen	
			Số lớp 1 buổi	Số lớp 2 buổi		Thường trú và TT có sổ	Lưu trú				
6	Xã, thị trấn Tân Thới Nhì	Tân Xuân Đông		7	xã Xuân Thới Đông:			306	44		
					ấp Tân Tiến	77					
					ấp Mỹ Hòa 2	22	13				
					ấp Mỹ Hòa 4.	33	35				
					xã Bà Điểm						
					ấp Bắc Lân	88	38				
					xã Tân Thới Nhì:						
					Nhị Tân	65					
					Ấp Thống Nhất 2	34					
					Dân Thắng 1	38					
7		Lý Chính Thắng 2		5	Dân Thắng 2	38		175	35		
					xã Tân Thới Nhì:						
					ấp Thống Nhất 1	32					
					ấp Nhị Tân 1	42					
					ấp Nhị Tân 2	28					
					ấp Tân Lập	47					
					xã Xuân Thới Sơn:						
					Ấp 1		28				
					Ấp 2		46				
					Ấp 3		43				
8		Nhị Tân		7	Ấp 6		27	293	42		
					xã Tân Hiệp:						
					ấp Tân Thới 3	69	11				
					ấp Thới Tây 1	66	19				
					xã Tân Hiệp:						
					ấp Tân Thới 1	46	19				
					ấp Tân Thới 2.	67	19				
					ấp Tân Hòa	18					
					Thị trấn						
					Khu phố 6	36					
9	Tân Hiệp	4	Lưu trú Thị Trấn		45	165	41				
10	Tân Hiệp	Trương Văn Ngai	6			250	42				

Thường trú về TH Nguyễn An Ninh

Lưu trú về TH Cầu Xáng

STT	Xã, thị trấn	Trường tiểu học	Kna nang nhận		Nhận học sinh thuộc các địa bàn	Dự kiến số HS			Số HS/Lớp	Lý giải các ô trống và tô màu đen
			Số lớp 1 buổi	Số lớp 2 buổi		Thường trú và TT có sổ	Lưu trú	Tổng số HS		
11	Tân Hiệp	Cầu Xáng		4	xã Tân Hiệp:			158	40	
					ấp Thới Tây 2	101	41			
					ấp Tân Hòa.		16			Thường trú về TH Trương Văn Ngải
12	Thị Trấn	Nguyễn An Ninh		7	thị trấn Hóc Môn:			314	45	Lưu trú về TH Trương Văn Ngải
					Khu phố 1	60				
					Khu phố 2	55				
					Khu phố 3	45				
					Khu phố 4	55				
					Khu phố 5	8				
					Khu phố 7	30				
					Khu phố 8	61				
13		Áp Đình		12	xã Tân Xuân:			524	44	Thường trú về TH Mỹ Hòa
					ấp Đình	84	42			
					ấp Chánh 1	62	55			
					ấp Chánh 2	57	48			
					xã Trung Chánh:					
					ấp Mới 2	52	13			
					xã Thới Tam Thôn					
					Tam Đông	64	47			
14	Tân Xuân	Mỹ Hòa		7	xã Tân Xuân:			307	44	Thường trú về TH Mỹ Huệ
					ấp Mới 1	58	53			Thường trú về TH Mỹ Huệ
					ấp Mỹ Hòa 3	43	58			Thường trú về TH Mỹ Huệ
					xã Trung Chánh:					Thường trú về TH Mỹ Huệ
					ấp Mỹ Hòa 1		27			
					ấp Mỹ Huệ		28			
					ấp Trung Mỹ Tây		14			
					xã Xuân Thới Đông:					
					ấp Tân Tiến		26			Thường trú về TH Tân Xuân
15	Thới Tam Thôn	Tam Đông		6	xã Thới Tam Thôn:			260	43	
					ấp Tam Đông 2	55	71			
					ấp Đông 1	95	39			

STT	Xã, thị trấn	Trường tiểu học	Khu năng nhận		Nhận học sinh thuộc các địa bàn	Dự kiến số HS		Tổng số HS	Sĩ số HS/Lớp	Lý giải các ô trống và tô màu đen
			Số lớp 1 buổi	Số lớp 2 buổi		Thường trú và TT có sổ	Lưu trú			
16	Thới Tam Thôn	Tam Đông 2	11		xã Thới Tam Thôn:			498	45	
					ấp Trung Đông	48	61			
					ấp Trung Đông 1	66	34			
					ấp Trung Đông 2	51	25			
					Thới Tứ		40			
					Thới Tứ 1		46			Thường trú về TH Thới Tam
					Thới Tứ 2		44			Thường trú về TH Thới Tam
					ấp Tam Đông 3	32	51			Thường trú về TH Thới Tam
					xã Thới Tam Thôn:					
					ấp Nam Thới	62	53			
17	Thới Tam Thôn	Thới Tam	6		Thới Tứ	52		280	47	Lưu trú về TH Tam Đông 2
					Thới Tứ 1	66				Lưu trú về TH Tam Đông 2
					Thới Tứ 2	47				Lưu trú về TH Tam Đông 2
					xã Thới Tam Thôn:					
					ấp Đông	55	65			
18	Thới Tam Thôn	Nguyễn Thị Núi	8		ấp Tam Đông 1	67	58	340	43	
					xã Trung Chánh					
					ấp Mỹ Huệ	95				
					xã Đông Thạnh:					
					ấp 3	78				
19	Thới Tam Thôn	Thới Thanh	12		ấp 4	89		495	41	Lưu trú về TH Võ Văn Thặng
					ấp 5	111	217			Lưu trú về TH Võ Văn Thặng
					xã Đông Thạnh:					
					ấp 6	105	125			
					ấp 7	44	60			
20	Đông Thạnh	Hoàng Hoa Thám	8		xã Đông Thạnh:			334	42	
					ấp 1	78	50			
					ấp 2	89	80			
					xã Nhị Bình					
					ấp 1	32	6			
21	Đông Thạnh	Trần Văn Danh	7		ấp 2			297	42	
					ấp 3	44	5			
					ấp 4	21	4			
					xã Đông Thạnh:					
					ấp 3	80				
22	Nhị Bình	Võ Văn Thặng	8		ấp 4	48	7	357	45	Thường trú về TH Thới Thanh
					xã Đông Thạnh:					Thường trú về TH Thới Thanh
					ấp 3					
					ấp 4					
					ấp 4	110				

STT	Xã, thị trấn	Trường tiểu học	Khai giảng nhận		Nhận học sinh sinh thuộc các địa bàn	Dự kiến số HS			Tổng số HS	Số HS/Lớp	Lý giải các ô trống và tô màu đen	
			Số lớp 1 buổi	Số lớp 2 buổi		Thường trú và TT có sổ	Lưu trú					
23	Trung Chánh	Nam Kỳ Khởi Nghĩa		4	xã Trung Chánh:				197	49		
			Trung Chánh 1		95	19						
24		Mỹ Huệ		6	xã Trung Chánh:				266	44		
						ấp Trung Mỹ Tây	77					Lưu trú về TH Mỹ Hòa
						ấp Mỹ Hòa 1	115					Lưu trú về TH Mỹ Hòa
						Vạn Hạnh	63	11				
25		Bùi Văn Ngự		11	xã Bà Điểm:				511	46		
						ấp Tiền Lân	187					Lưu trú về TH Trần Văn Mười
						ấp Tiền Lân 1	64					Lưu trú về TH Trần Văn Mười
						ấp Trung Lân	114	11				
						ấp Tây Lân.	112	23				
26	Bà Điểm	Tây Bắc Lân		12	xã Bà Điểm:				578	48		
						Nam Lân	98	19				
						ấp Hưng Lân.	66	16				
						ấp Đông Lân	101	17				
						ấp Đông Lân 1	91	11				
Tổng cộng			0	204	0	5,737	3,233	8,970	44			



TRUNG HỌC CƠ SỞ

Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng xã - thị trấn, trường trung học cơ sở - Năm học 2022-2023

Trường THCS	Tên xã – thị trấn	Số phòng học	Số học sinh lớp 9 ra trường (Năm học 2021 – 2022)	Số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học (Năm học 2021- học 2022)	Số liệu tuyển sinh năm học 2022-2023		Số lớp						Số liệu tuyển sinh so với năm học 2021- 2022)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
					Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận		Số HS/lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cườn g ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Số Lớp	Số HS	Tăng (+)/ Giảm (-)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
					Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp	Số lớp										Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Số lớp



Phụ lục 6a: Bảng số liệu chi tiêu cụ thể lớp tăng cường ngoại ngữ trường trung học cơ sở năm học 2022-2023

Trường trung học cơ sở	Số lớp tăng cường	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú (Ghi cụ thể ngoại ngữ tăng cường)
THCS Nguyễn Hồng Đào	2	70	35	Tiếng Anh
THCS Tô Ký	2	70	35	Tiếng Anh
THCS Tân Xuân	2	70	35	Tiếng Anh
Tổng số	6	210	35	Tiếng Anh



Phụ lục 6b: Bảng số liệu chi tiêu cụ thể lớp theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam” trường trung học cơ sở năm học 2022-2023

Trường trung học cơ sở	Loại hình (Công lập/ Ngoài công lập)	Số lớp thực hiện chương trình	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
THCS Nguyễn An Khương	Công lập	02	70	35	
THCS Trung Mỹ Tây 1		02	70	35	
Tổng số		04	140	35	

Phụ lục 7: Bảng số liệu chi tiêu huy động học sinh vào các trường trung cấp chuyên nghiệp năm học 2022-2023

Trường	Số lượng học sinh huy động vào trường trung cấp chuyên nghiệp	Ghi chú
Trung cấp Bách Nghệ TPHCM	450	
Tổng số	450	

Phụ lục 8: Bảng số liệu chi tiêu Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện năm học 2022-2023

TT GDNN - GDTX Học Môn	Số lớp	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
TT GDNN - GDTX Học Môn	12	540	45	
Tổng số	12	540	45	

PHỤ LỤC 9

Bảng phân tuyến học sinh vào các trường trung học cơ sở năm học 2022-2023
(Đính kèm Kế hoạch số 2355/KH-UBND ngày 30/10/2022 của UBND huyện)

STT	Xã, thị trấn	Trường THCS	Khả năng nhận		Nhận học sinh thuộc các địa bàn	Dự kiến số HS			Sĩ số HS/Lớp	Lý giải các ô trống và tô màu đen
			Số lớp 1 buổi	Số lớp 2 buổi		Thường trú và TT cơ sở	Lưu trú	Tổng số HS		
1	Xuân Thới Thượng	Xuân Thới Thượng	17	0	Xã Xuân Thới Thượng:				44	
						Ấp 2	96	85		
						Ấp 3	118	87		
						Ấp 4	109	59		
						Ấp 5	72	48		
						Ấp 7	78			Lưu trú về THCS Nguyễn Văn Bứa
						Ấp 1	80	95		
2	Xuân Thới Thượng	Nguyễn Văn Bứa	0	13	Xã Xuân Thới Sơn:	Ấp 6	9	33	40	
						Ấp 7		49		Thường trú về THCS Xuân Thới Thượng
						Ấp 3		46		Thường trú về THCS Nguyễn Hồng Đào
						Ấp 4		54		Thường trú về THCS Nguyễn Hồng Đào
						Ấp 5	35	124		
						Huyện Bình Chánh				
						Xã Xuân Thới Sơn:				
3	Xuân Thới Sơn	Nguyễn Hồng Đào	6	5	Xã Xuân Thới Sơn:	Ấp 1	26	17	41	
						Ấp 2	48	44		
						Ấp 3	102			Lưu trú về THCS Nguyễn Văn Bứa
						Ấp 4	85			Lưu trú về THCS Nguyễn Văn Bứa
						Ấp 6	69	65		
						Xuân Thới Đông:				
						Ấp Xuân Thới Đông 1	89	59		
4	Xuân Thới Đông	Tân Xuân	11	2	Xã Xuân Thới Đông 2	Ấp Xuân Thới Đông 2	93	27	47	
						Ấp Xuân Thới Đông 3	71	52		
						Ấp Mỹ Hòa 2	25	9		
						Ấp Mỹ Hòa 4	31	22		
						Ấp Tân Tiến	98	33		

STT	Xã, thị trấn	Trường THCS	Khả năng nhận		Nhận học sinh thuộc các địa bàn	Dự kiến số HS		Tổng số HS	Số HS/Lớp	Lý giải các ô trống và tô màu đen
			Số lớp 1 buổi	Số lớp 2 buổi		Thường trú và TT có số	Lưu trú			
5	Tân Thới Nhì	Lý Chính Thắng 1	11	0	xã Tân Thới Nhì: ấp Thống Nhất 1 ấp Thống Nhất 2 Dân Thắng 1 Dân Thắng 2 Nhị Tân ấp Nhị Tân 1 ấp Nhị Tân 2 ấp Tân Lập Huyện Củ Chi (T.P. Trung)	21 47 52 51 45 33 12 42 3	7 9 35 20 36 17 12 16	458	42	
6	Tân Hiệp	Đỗ Văn đây	0	12	xã Tân Hiệp: ấp Tân Thới 1 ấp Tân Thới 2 ấp Tân Thới 3 ấp Thới Tây 1 ấp Thới Tây 2 ấp Tân Hòa. Huyện Củ Chi (T.T. Đông)	50 74 52 68 83 28 1	28 31 21 35 44 21	536	45	
7	Thị trấn	Thị trấn	6	0	thị trấn Học Môn: Khu phố 1 Khu phố 2 Khu phố 3 Khu phố 4 Khu phố 5 Khu phố 6 Khu phố 7 Khu phố 8 xã Tân Xuân:	27 41 23 43 4 21 25 38	3 7 1 5 0 2 3 6	249	42	
8	Tân Xuân	Tò Kỳ	15	0	ấp Đình ấp Chánh 1 ấp Chánh 2 ấp Mới 1 ấp Mỹ Hòa 3 xã Thới Tam Thôn: ấp Tam Đông 1 ấp Tam Đông 2 ấp Nam Thới	66 53 60 47 61 35 62 98	28 31 22 21 20 29 38 8	679	45	

STT	Xã, thị trấn	Trường THCS	Khả năng nhận		Nhận học sinh thuộc các địa bàn	Dự kiến số HS		Tổng số HS	Số HS/Lớp	Lý giải các ô trống và tô màu đen
			Số lớp 1 buổi	Số lớp 2 buổi		Thường trú và TT có số	Lưu trú			
9	Thới Tam Thôn	Tam Đông 1	15	0	xã Thới Tam Thôn:			671	45	
						ấp Trung Đông	53			
						ấp Trung Đông 2	43			
						ấp Thới Tứ	56			
						ấp Thới Tứ 1	39			
						ấp Thới Tứ 2	29			
						ấp Áp Đông 1	54			
10	Đông Thạnh	Đông Thạnh	17	0	ấp Tam Đông	ấp Tam Đông	105	780	46	
						xã Đông Thạnh:				
						Ấp 1	91			
						Ấp 2	113			
						Ấp 6	136			
						Ấp 7	42			
						xã Thới Tam Thôn:				
						ấp Trung Đông 1	42			
						ấp Tam Đông 3	40			
						Hiệp Thành, Tân Hưng Thuận - Q. 12	13			
						xã Đông Thạnh:				
11	Nhị Bình	Đặng Thúc Vĩnh	6	7	ấp 3	ấp 3	106	604	43	Lưu trú về THCS Đặng Công Bình
						ấp 4	102			Lưu trú về THCS Đặng Công Bình
						ấp 5	138			
						xã Nhị Bình				
						ấp 1	42			
						ấp 2	23			
						ấp 3	29			
		Đặng Công Bình	0	9	ấp 4	ấp 4	34	410	46	
						xã Đông Thạnh:				
						ấp 3				
						ấp 4				
						Bình Mỹ - Huyện Củ Chi	33			
						Quận 12: Thạnh Lộc; Thạnh Xuân;				Thường trú về THCS Đặng Thúc Vĩnh
						Thới An; Hiệp Thành; Tân Hưng				Thường trú về THCS Đặng Thúc Vĩnh
						Thuận - P. An Phú Đông, Trung Mỹ				
						Tây, Tân Thới Hiệp, Tân Chánh				
						Hiệp, Đông Hưng Thuận -	44			

STT	Xã, thị trấn	Trường THCS	Khả năng nhận		Nhận học sinh thuộc các địa bàn	Dự kiến số HS		Tổng số HS	Số số HS/Lớp	Lý giải các ô trống và tô màu đen
			Số lớp 1 buổi	Số lớp 2 buổi		Thường trú và TT có số	Lưu trú			
12	Trung Chánh	Trung Mỹ Tây 1	12	3	xã Trung Chánh:			682	45	
					ấp Mới 2	40	32			
					ấp Vạn Hạnh	20	8			
					ấp Mỹ Huệ	72	36			
					ấp Trung Mỹ Tây	47	9			
					ấp Mỹ Hòa 1	112	71			
					Trung Chánh 1	52	23			
					Trung Chánh 2	39	15			
					xã Thới Tam Thôn:					
					ấp Ấp Đông	59	47			
					xã Bà Điểm:					
					ấp Trung Lân	95	8			
13	Bà Điểm	Phan Công Hón	12	0	ấp Đông Lân	63	12	528	44	
					ấp Đông Lân 1	58	3			
					ấp Hậu Lân	94	11			
					ấp Bắc Lân	69	21			
					ấp Hưng Lân	61	8			
					Tân Thới Nhất, Trung Mỹ Tây - Quận 12	25				
					xã Bà Điểm:					
					ấp Tiên Lân 1	101	15			
					ấp Nam Lân	83	15			
					ấp Tiên Lân	132	18			
					ấp Tây Lân.	162	13			
					Q.Tân Bình, Q.Bình Tân, Q. Gò Vấp, Bình Thạnh, Tân Phú	18				
15	Thị Trấn	Nguyễn An Khương	0	10			340	34		
Tổng cộng						5849	2987	8836	44	